

Số: 167/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 278/2024/TLST-VLĐ, ngày 30/10/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 147/2024/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; thường trú: thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993; thường trú: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C); địa chỉ: lô C đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010, bà H có làm việc và giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH G và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409304888. Nay bà H liên hệ Bảo hiểm xã hội tiến hành

điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm thông tin của bà H bị trùng bảo hiểm.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà H có cho em gái của bà H là bà Nguyễn Thị H1 mượn thông tin cá nhân của bà H để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C). Trước khi bà H1 sử dụng thông tin của bà H để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010 thì trong khi đó, bà H đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Do đó, bà H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ 11/2009 đến tháng 6/2010 tại 02 Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH G. Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H1 ký kết) với Công ty Cổ phần C là vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin nên từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010 bà H1 có mượn thông tin cá nhân của chị gái bà H1 là bà Nguyễn Thị H để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần C (nay là Công ty Cổ phần C). Bà H1 làm việc tại Công ty Cổ phần C từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010. Tuy nhiên, trước khi bà H1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C thì chị gái bà H1 là bà Nguyễn Thị H cũng đang sử dụng thông tin này để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Bà H làm việc tại Công ty TNHH G từ 11/2009 đến tháng 6/2010. Nay đối với yêu cầu của bà H về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị H và Công ty Cổ phần C vô hiệu thì bà H1 đồng ý.

- Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C) vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần C) cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, số CCCD 042191014819, với mã số BHXH 7409304888 từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010 tại Công ty và chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Ngoài ra, bà H còn có mã số 7409262183 tham gia BHXH từ tháng 9/2009 đến tháng 11/2010 tại Công ty TNHH G đã nhận trợ cấp BHXH 1 lần. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị H phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm

tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H, bà H1, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất trình bày như sau: Người lao động tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, CCCD 042191014819, quá trình tham gia bảo hiểm có 02 mã BHXH: Đối với mã bảo hiểm xã hội số 7409304888 từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010 tại Công ty Cổ phần C; đối với mã bảo hiểm xã hội số 7409262183 từ tháng 9/2009 đến tháng 11/2010 tại Công ty TNHH G. Bà H xác định thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010 bản thân bà H không ký hợp đồng lao động và không làm việc cho Công ty Cổ phần C (sau này là Công ty Cổ phần C), nhưng em gái của bà H tên là Nguyễn Thị H1 vào năm 2009 có mượn thông tin cá nhân của bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010. Phía bà H1 trình bày do không hiểu biết về pháp luật nên có sử dụng giấy tờ tùy thân của bà H để xin việc tại Công ty Cổ phần C và đồng thời tham gia bảo hiểm tại Công ty.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Trong khoản thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010, bà H tham gia ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty Cổ phần C (sau này là Công ty Cổ phần C) và Công ty TNHH G, nhưng thật tế bà H chỉ làm việc tại Công ty TNHH G, còn người làm việc tại Công ty Cổ phần C là bà H1 (em gái của bà H). Lời trình bày của bà H, bà H1 là phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội do cơ quan BHXH thành phố D cung cấp, thể hiện trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 6/2010, bà Nguyễn Thị H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần C (sau này là Công ty Cổ phần C) và Công ty TNHH G. Xét thấy việc bà H1 lấy tên bà H và giấy tờ tùy thân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C (sau này là Công ty Cổ phần C) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H1 tham gia ký kết hợp đồng lao động) với Công ty Cổ phần C (sau này là Công ty Cổ phần C) là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, số CCCD 042191014819 với Công ty Cổ phần C là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0001805 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân